

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST

Ngày 25-5-2018

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Xuân Thanh;

2. Bà Trần Thị Lãm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 365/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Th (tự Út), sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Số 892, ấp L, xã Kh, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Số 892, ấp L, xã Kh, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 12 năm 2017, đơn thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 19-01-2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - Chị Phạm Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau từ năm 1991, có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 6 năm 1991 tại Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, do anh Đ quản lý tiền bạc. Đến tháng 6 năm 2017, chị bị bệnh nặng, không có tiền điều trị bệnh, nên phát sinh thêm mâu thuẫn trầm trọng, chị có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng sau đó chị rút đơn yêu cầu khởi kiện đối với anh Đ. Vợ, chồng đoàn tụ chung sống đến tháng 12 năm 2017 thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù, vợ chồng chung sống chung nhà, nhưng không quan tâm lo lắng lẫn nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có hai người con chung tên Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 16-5-1992 (nam) đã trưởng thành tự lao động sinh sống được và Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 27-02-2004 (nữ) đang chung sống với chị và anh Đ. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu Q và không có yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ngày 17-01-2018, chị và anh Đ đã thỏa thuận chia tài sản chung xong, nên không có yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Nợ Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Bến Cầu 12.005.918 đồng, chị đã trả xong, không có yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị Th không còn yêu cầu hay trình bày gì khác.

Bị đơn - Anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ xác nhận lời khai của chị Th về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn như chị Th khai là đúng. Tuy nhiên, anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không có gì mâu thuẫn trầm trọng, nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Như lời khai của chị Th là đúng, do không đồng ý ly hôn, nên anh Đ không có yêu cầu giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do hai bên tự thỏa thuận, không có yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra anh Đ không còn yêu cầu hay trình bày gì khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Th; Chị Phạm Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Xét theo nguyện vọng của cháu Q xin được chung sống với chị Đ, nên đề nghị giao cháu Q cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Do chị Th có đơn đề nghị rút yêu cầu, nên đình chỉ. Về nợ chung: Chị Th và anh Đ nợ Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Bến Cầu 12.005.918 đồng, đã trả xong, nên ghi nhận. Về án phí: Chị Th phải chịu tiền án phí theo pháp luật quy định.

+ Về yêu cầu khắc phục vi phạm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Đ tuy vắng mặt, nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Đ kết hôn vào năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kh vào ngày 19-6-1991, được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống giữa chị Th và anh Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay. Chị Th đã từng nộp đơn xin ly hôn, được hòa giải đoàn tụ thành, nhưng đến nay lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Theo biên bản xác minh, Công an xã Kh cung cấp cho biết: mâu thuẫn giữa chị Th và anh Đ là có thật, anh Đ từng có hành vi bạo hành gia đình, chính quyền đã đến giải quyết, nhưng anh Đ và chị Th tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Xét thấy, quan hệ giữa chị Th và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th về việc tranh chấp về ly hôn với anh Đ.

[3] Về con chung: Chị Th và anh Đ có hai người chung, trong đó có một người đã trưởng thành là Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 16-5-1992 (nam) tự lao động sinh sống được. Cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 27-02-2004 (nữ) đang chung sống với chị và anh Đ, cháu Q có nguyện vọng chung sống với chị Th, nên chấp nhận theo nguyện vọng của cháu Q và yêu cầu của chị Th. Về cấp dưỡng nuôi con chung: do chị Th không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Ngày 17-01-2018, chị và anh Đ đã thỏa thuận chia tài sản chung xong. Ngày 19-01-2018, chị Th có đơn thay đổi bổ sung rút yêu cầu chia tài sản chung. Do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản chung của chị Th và anh Đ.

Về nợ chung: Chị Th và anh Đ nợ Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Bến Cầu 12.005.918 đồng, chị Th đã trả xong, không có yêu cầu giải quyết, nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để buộc các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự theo quy định. Buộc nguyên đơn chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn. Anh Nguyễn Văn Đ không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Th được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 27-02-2004 (nữ). Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Th không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Đ **có quyền, nghĩa vụ thăm** nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản chung của chị Th và anh Đ.

Về nợ chung: Chị Th đã trả nợ Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Bến Cầu 12.005.918 đồng, nên ghi nhận.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.300.000 (ba trăm ngàn) đồng, trả lại cho chị Th 2.000.000 (hai triệu) đồng theo biên lai số 0021177 ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Chị Th đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKS huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu;
- UBND xã Long Khánh;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đoàn